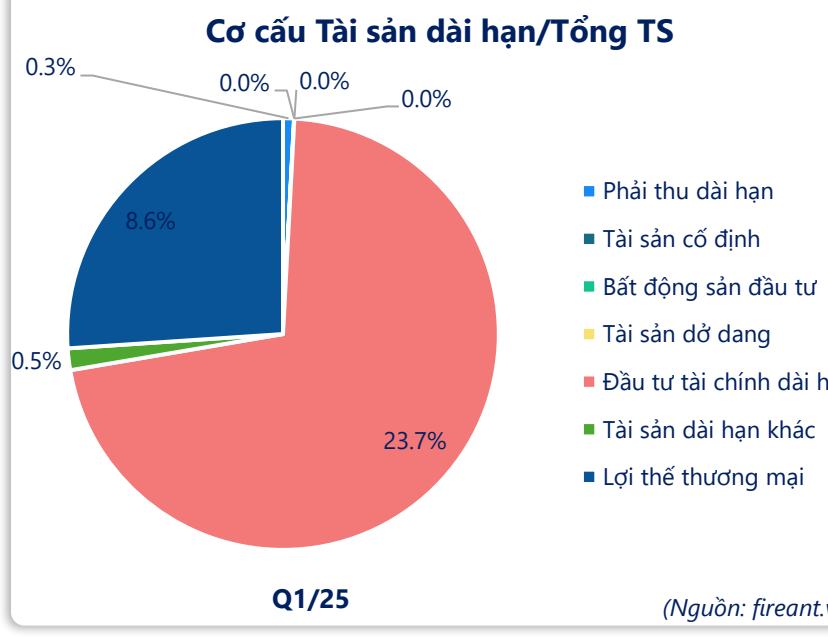
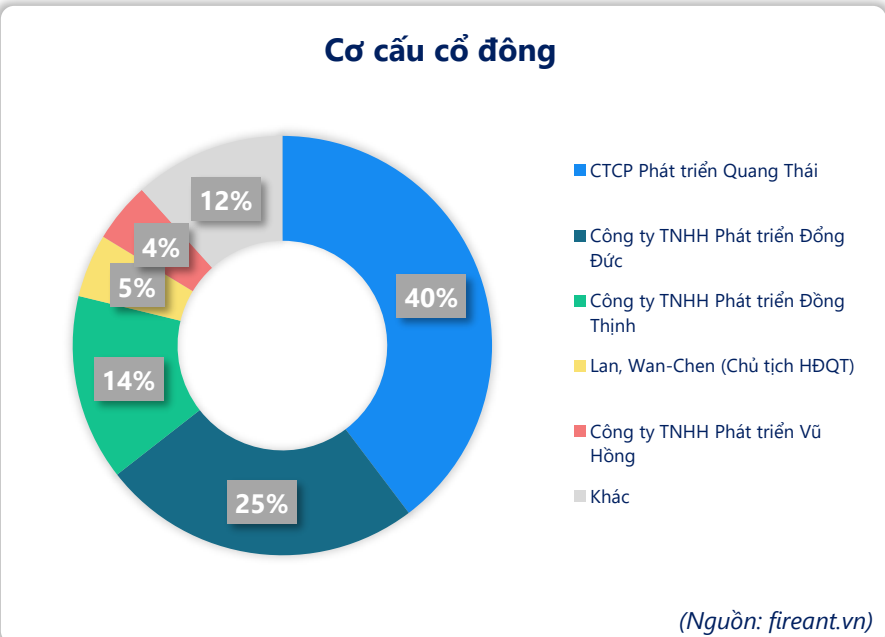
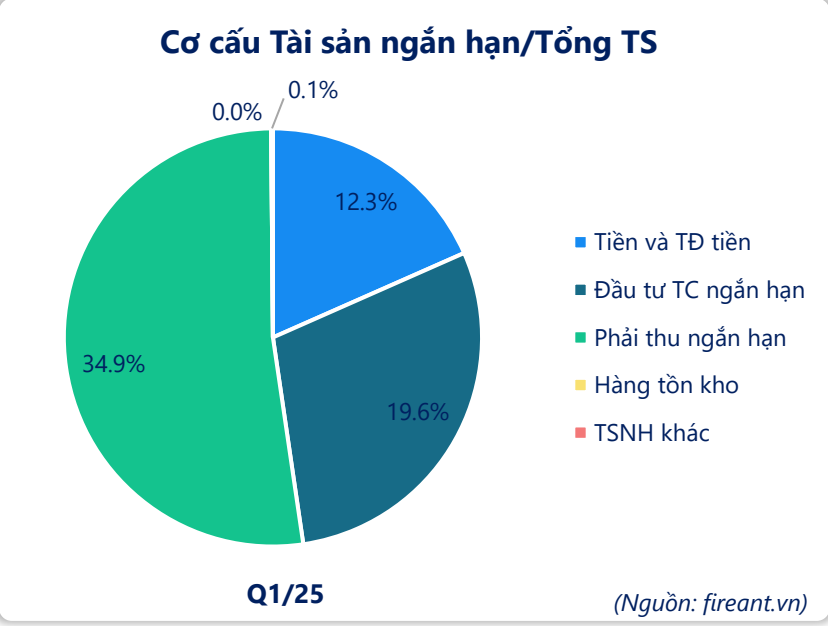
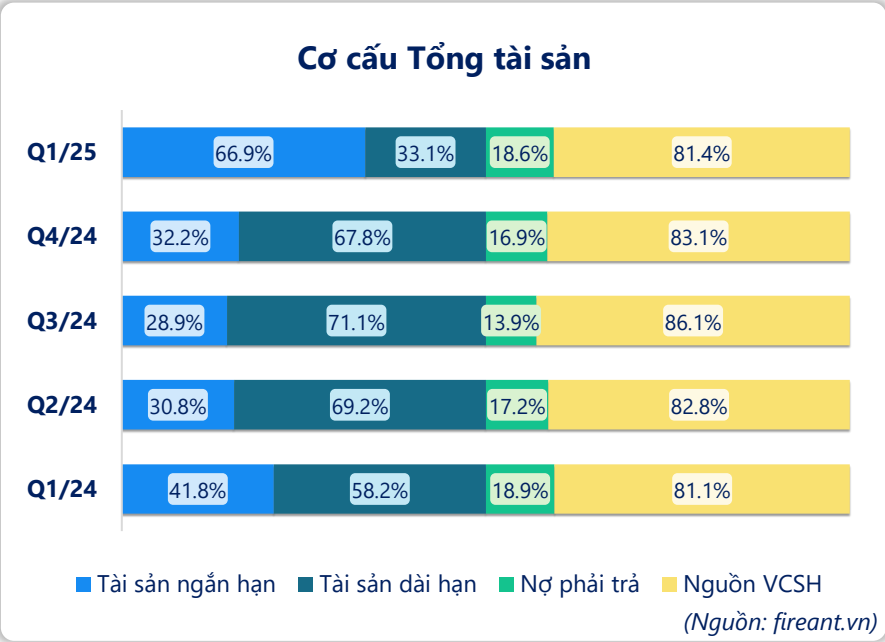
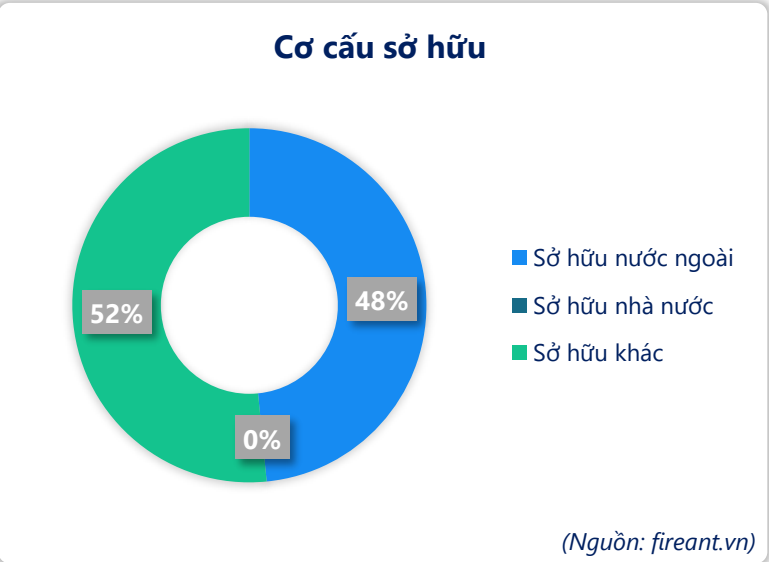
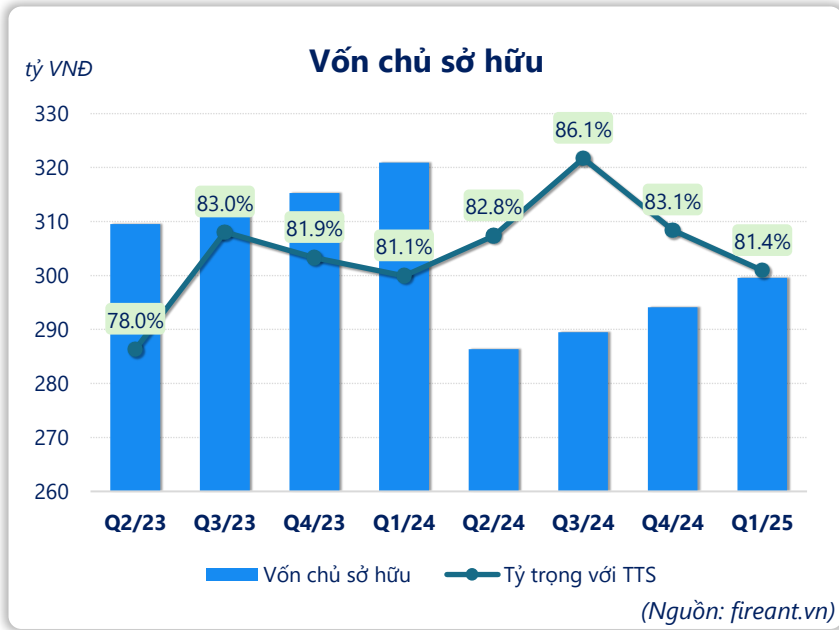
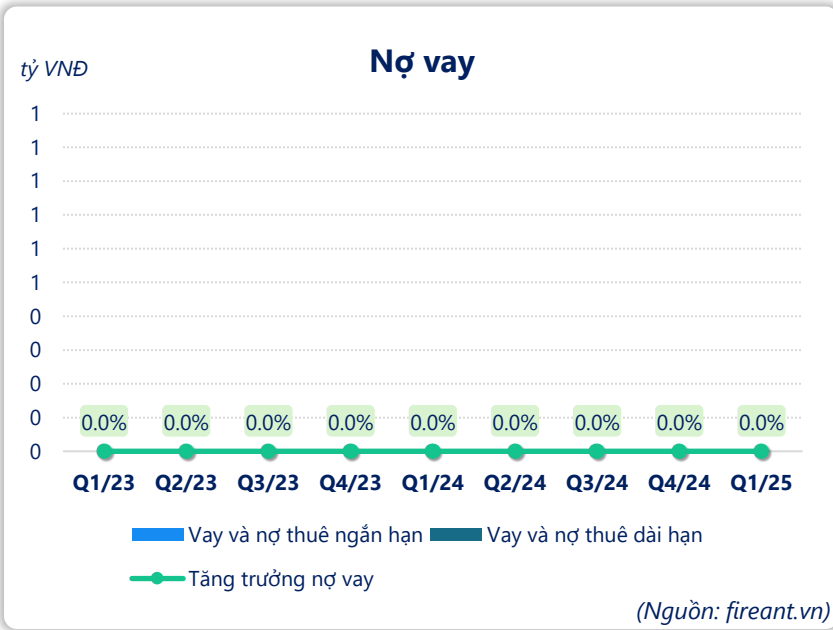
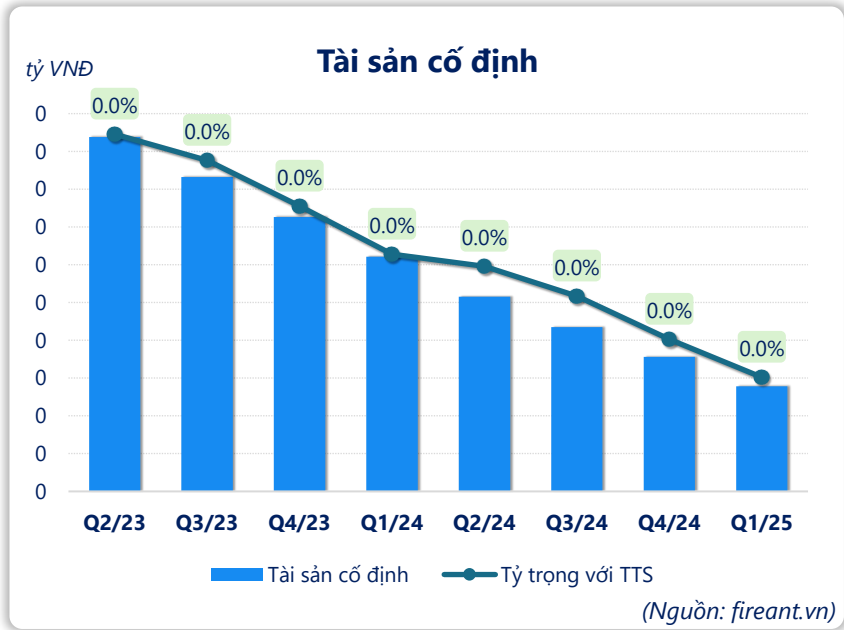
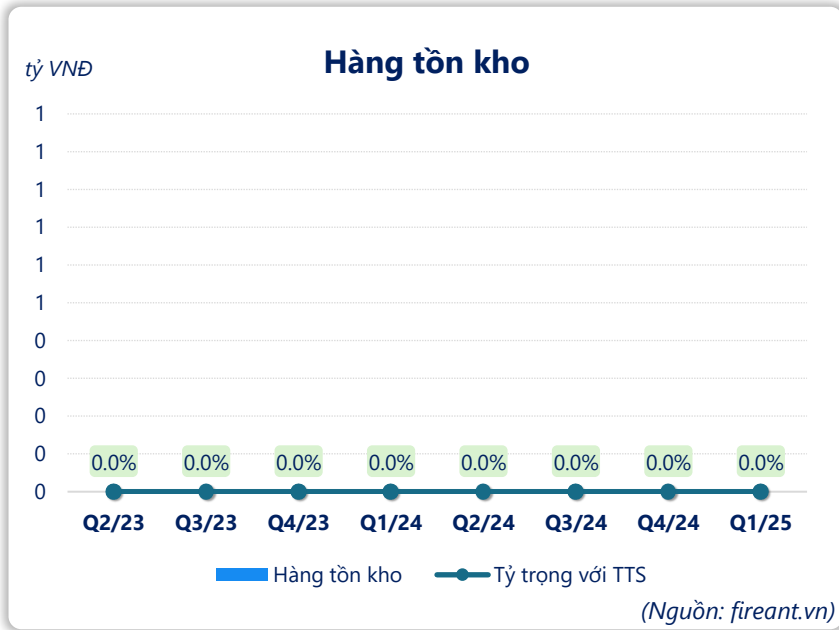
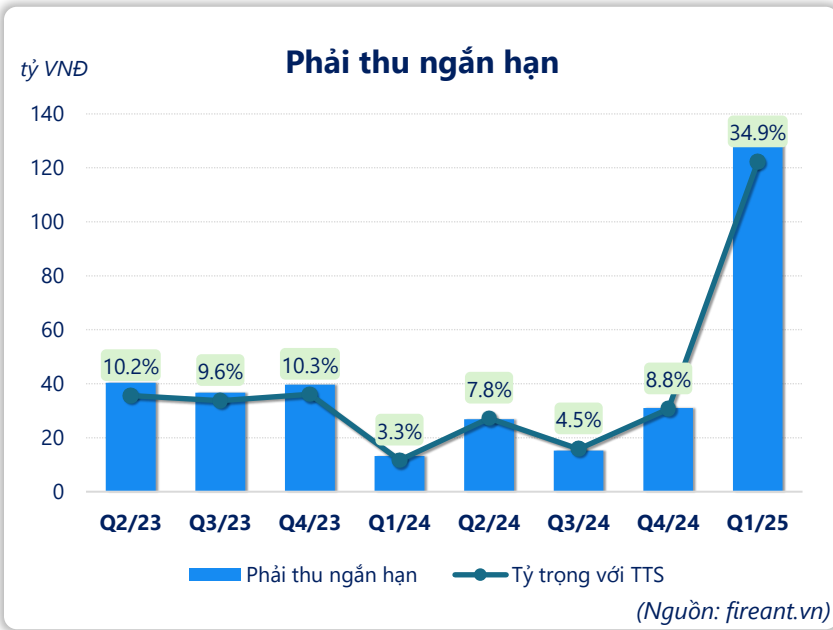
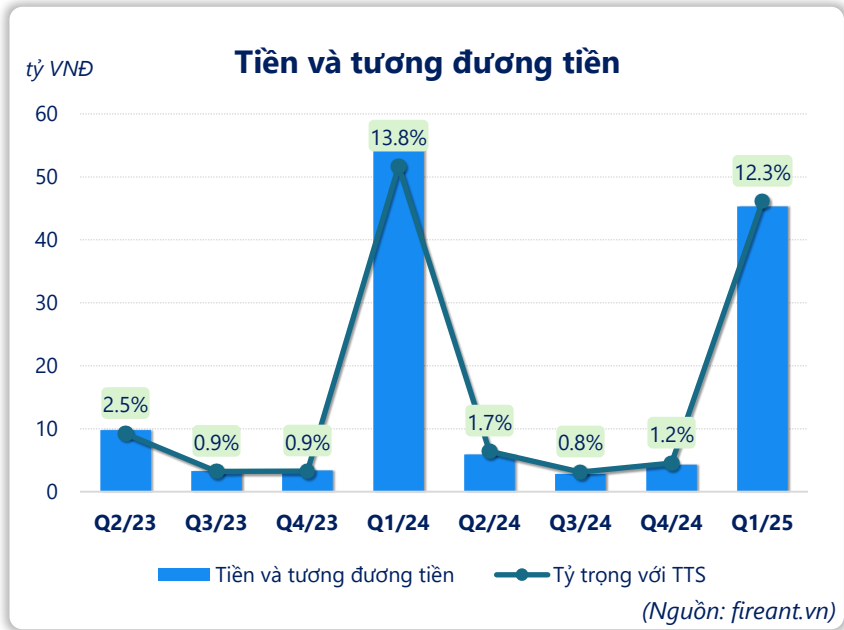
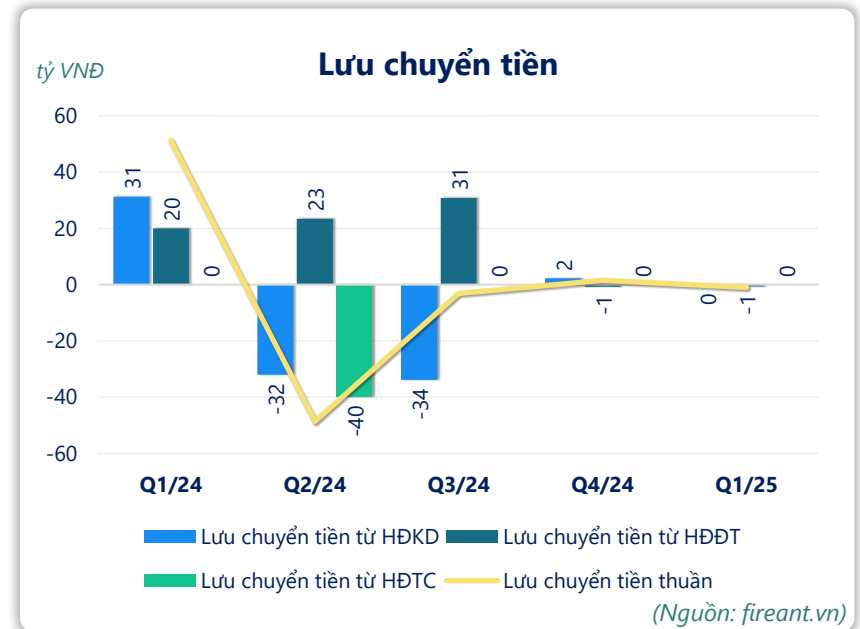
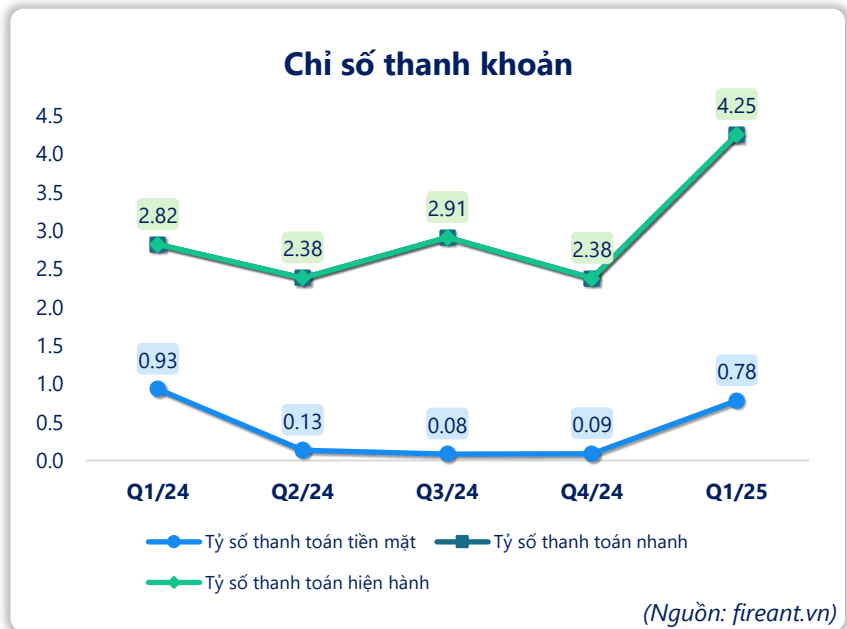
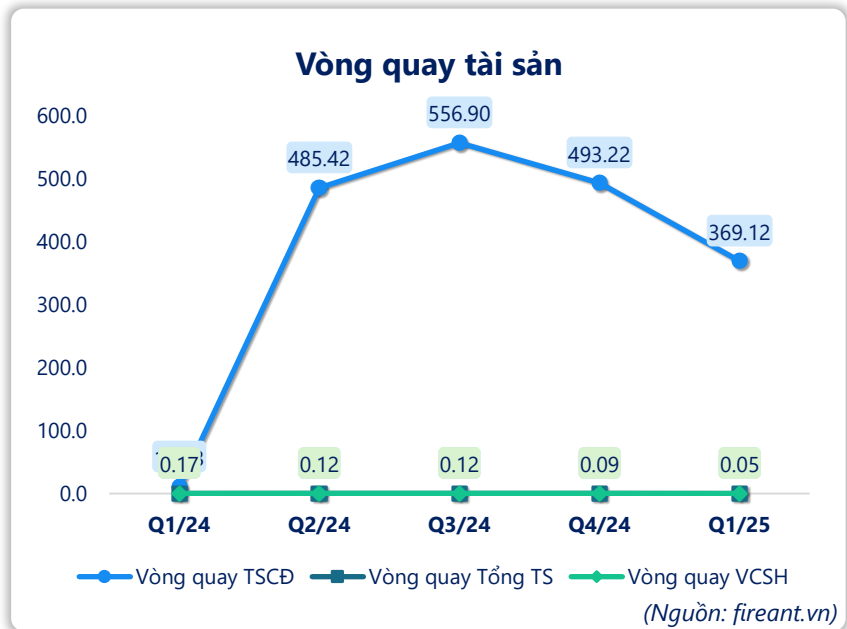
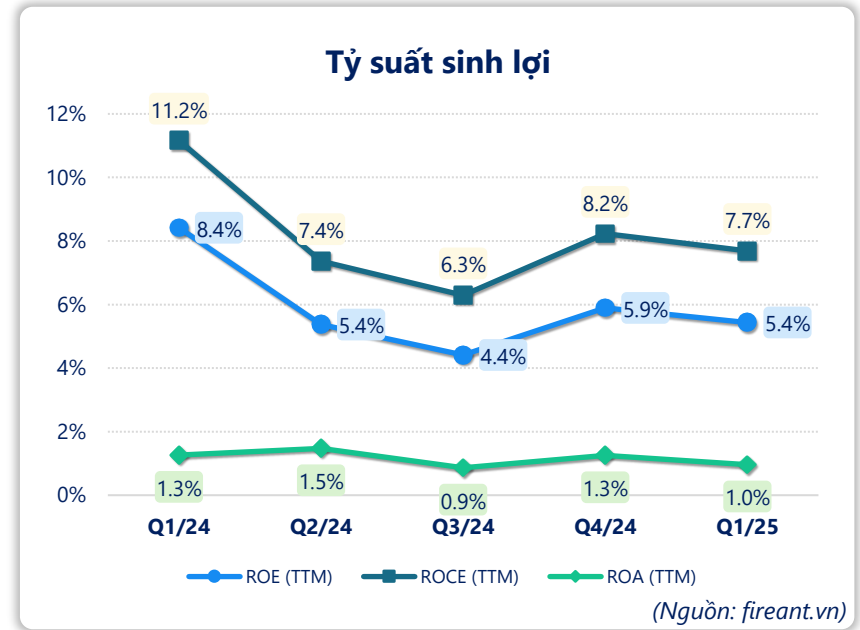
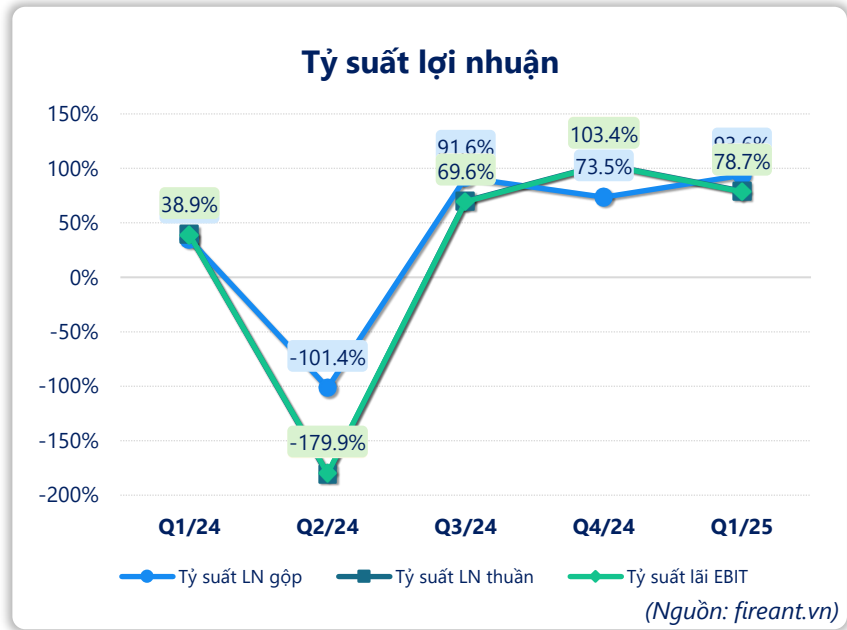
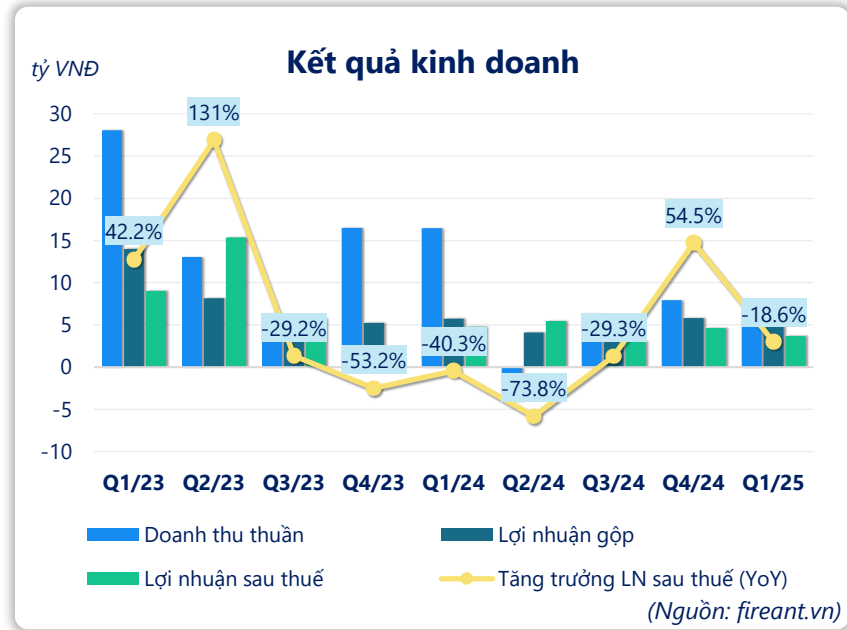


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,172
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,352
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		620
% sở hữu nước ngoài		48.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		257
P/E		15.2
EPS		843

	YTD	1T	3T	6T
ABR	6.2%	3.5%	12.3%	-4.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	368	355	3.8%
Tài sản ngắn hạn	246	197	25.1%
Tiền và tương đương tiền	45.3	46.3	-2.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.2	111	-35.1%
Phải thu ngắn hạn	129	39.3	227%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.33	0.21	60.6%
Tài sản dài hạn	122	158	-22.8%
Phải thu dài hạn	1.00	0.42	138%
Tài sản cố định	0.03	0.04	-22.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	87.1	122	-28.5%
Tài sản dài hạn khác	1.98	2.01	-1.7%
Lợi thế thương mại	31.8	33.5	-5.1%
Nợ phải trả	68.7	58.9	16.6%
Nợ ngắn hạn	57.9	46.9	23.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	31.0	30.5	1.7%
Nợ dài hạn	10.7	12.0	-10.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	300	296	1.2%
Vốn chủ sở hữu	300	296	1.2%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	16.5	-4.04	6.36	7.91	6.37
Giá vốn hàng bán	10.8	-8.15	0.54	2.10	0.40
Lợi nhuận gộp	5.72	4.10	5.82	5.82	5.96
Doanh thu HĐTC	5.25	3.85	3.65	3.51	3.50
Chi phí TC	0.08	0.07	0.08	0.09	0.11
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.03	0.02	0.02	-0.04	0.01
Chi phí QLDN	4.43	0.55	4.93	1.07	4.30
LN thuần từ HĐKD	6.44	7.31	4.45	8.21	5.04
Lợi nhuận khác	-0.04	-0.03	-0.03	-0.03	-0.03
LN trước thuế	6.40	7.28	4.42	8.18	5.01
Lợi nhuận sau thuế	4.77	5.47	3.09	4.63	3.68
LNST của CĐ cty mẹ	4.77	5.47	3.09	4.63	3.68

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.2	-32.0	-33.8	2.24	-0.36
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.0	23.4	30.7	-0.76	-0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-40.0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.37	54.5	5.94	2.80	46.3
Lưu chuyển tiền thuần	51.2	-48.6	-3.14	1.48	-0.99
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54.5	5.94	2.80	4.27	45.3

(Nguồn: fireant.vn)